

Tiền Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Số: 193 /TB-CQLTT

THÔNG BÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2339/QĐ-TCQLTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021; Quyết định số 1812/QĐ-TCQLTT ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc điều chỉnh giao dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2021 (lần 1); Quyết định số 2165/QĐ-TCQLTT ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc điều chỉnh giao dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2021 (lần 2); Quyết định số 2428/QĐ-TCQLTT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc điều chỉnh giao dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2021 (lần 3).

Cục Quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

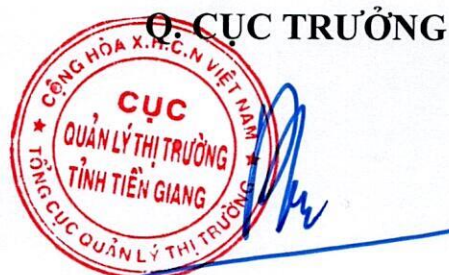
Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục Quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang thông báo đến các Phòng, Đội Quản lý thị trường trực thuộc được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Cổng TTĐT Cục (để đăng tải);
- Lưu: VT, TC-HC.

[Chữ ký]



Đỗ Văn Phước

Biểu số 3

Theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của BTC

Đơn vị: Cục Quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang
Chương: 016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH Năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.983	16.588	97,67%	103,50%
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.983	16.588	97,67%	103,50%
1	Chi quản lý hành chính	16.983	16.588	97,67%	103,50%
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.914	13.519	97,16%	99,66%
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.069	3.069	100,00%	89,74%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tiền Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2022



Đỗ Văn Phước